



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

### Phiên giao dịch ngày 20/07/2023

#### DIỄN BIẾN CHUNG TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm 0.01% với thanh khoản đạt 16,400.43 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng, tự doanh mua ròng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 20/07/2023 VN-Index giảm 0.17 điểm với thanh khoản ở dưới trung bình 20 phiên.

Áp lực điều chỉnh diễn ra ngay từ đầu phiên sáng với gần 280 mã đỏ đã khiến cho VN Index liên tục mất điểm, giảm về dưới khu vực 1170. Lực cầu về cuối phiên đã giúp cho thị trường duy trì được xu hướng tích cực, giữ vững mốc điểm 1170.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 20-07, VN Index giảm 0.17 điểm (-0.01%) xuống 1,172.81 điểm với 252 mã tăng, 73 mã đứng giá và 201 mã giảm điểm. HNX Index tăng 1.60 điểm (0.69%) lên 233.07 điểm với 99 mã tăng, 71 mã đứng giá và 68 mã giảm điểm. UPCoM Index tăng 0.52 điểm (0.60%) lên 87.65 điểm với 141 mã tăng, 98 mã đứng giá và 121 mã giảm điểm.

Nhóm chứng khoán không nhiều mã tăng dù doanh nghiệp chứng khoán báo lãi tăng mạnh quý 2/2023. Dòng tiền chảy khá mạnh vào nhóm cổ phiếu bất động sản, giúp nhiều mã trong nhóm này tăng.

Dòng Thép: NKG (0.79%), HSG (1.15%), HPG (2.92%), SMC (3.20%), TLH (1.99%), ...

Dòng Chứng khoán: VIX (3.44%), BSI (1.87%), VND (0.28%), SSI (-1.75%), HCM (-1.32%), MBS (-1.01%)

Dòng Ngân hàng: SHB (1.77%), VPB (1.69%), TPB (0.53%), STB (-1.42%), VCB (-1.41%), TCB (-1.24%),...

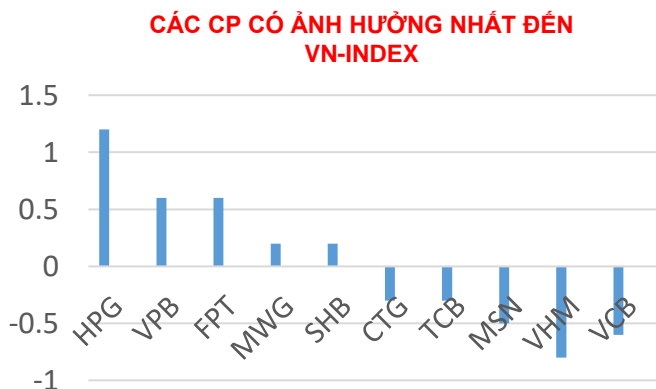
Dòng Dầu khí: PET (1.90%), BSR (0.56%), PVT (-0.63%), PVD (-0.60%), PVC (-0.53%), PVB (-0.43%),...

Dòng BĐS: CEO (6.55%), DPG (2.31%), LDG (2.26%), DXG (1.27%), DIG (1.09%), NVL (0.68%),...

Phiên nay khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị đạt -49.72 tỷ đồng. Trong đó, MSB là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất, giá trị 136.04 tỷ đồng. Bên cạnh đó, MSN (61.87 tỷ), STB (52.62 tỷ), DBC (40.08 tỷ), CTG (32.47 tỷ), TPB (30.91 tỷ), POW (27.75 tỷ), SSI (27.72 tỷ), VCB (24.89 tỷ),... là một số cổ phiếu cũng bị bán ròng.

Bên cạnh đó, cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh nhất là VNM đạt 87.68 tỷ đồng. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng hôm nay như: HPG (68.86 tỷ), VHM (47.86 tỷ), VPB (47.25 tỷ), HDB (25.44 tỷ), VCI (17.99 tỷ), VIC (17.22 tỷ), VJC (16.67 tỷ), KBC (14.51 tỷ), VRE (13.38 tỷ),...

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 1,172.81    | 233.07     |
| % thay đổi          | ↓ -0.01%    | ↑ 0.69%    |
| KLGD (CP)           | 796,609,448 | 97,131,121 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 16,400.43   | 1,552.92   |





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

### HOSE

### HNX

#### Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | %     | KLGD       |
|-----|--------|----------|-------|------------|
| HPG | 27.40  | 28.20    | 2.92  | 30,865,300 |
| DIG | 22.95  | 23.20    | 1.09  | 29,010,300 |
| SSI | 28.50  | 28.00    | -1.75 | 28,832,600 |
| STB | 28.25  | 27.85    | -1.42 | 27,253,400 |
| SHB | 14.10  | 14.35    | 1.77  | 25,642,800 |

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | %     | KLGD       |
|-----|--------|----------|-------|------------|
| CEO | 16.80  | 17.90    | 6.55  | 16,995,700 |
| SHS | 14.50  | 14.40    | -0.69 | 13,663,000 |
| PVS | 33.90  | 33.90    | 0.00  | 3,565,800  |
| MBS | 19.90  | 19.70    | -1.01 | 3,318,900  |
| IDJ | 5.70   | 5.70     | 0.00  | 2,377,200  |

#### Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-  | %    |
|-----|--------|----------|------|------|
| MHC | 5.48   | 5.86     | 0.38 | 6.93 |
| LEC | 7.36   | 7.87     | 0.51 | 6.93 |
| HTN | 15.90  | 17.00    | 1.10 | 6.92 |
| ABS | 7.10   | 7.59     | 0.49 | 6.90 |
| BMC | 13.90  | 14.85    | 0.95 | 6.83 |

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-  | %     |
|-----|--------|----------|------|-------|
| HAT | 33.00  | 36.30    | 3.30 | 10.00 |
| THS | 12.10  | 13.30    | 1.20 | 9.92  |
| CAP | 69.80  | 76.80    | 6.90 | 9.87  |
| NHC | 28.50  | 31.30    | 2.80 | 9.82  |
| SFN | 14.30  | 15.70    | 1.40 | 9.79  |

#### Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-   | %     |
|-----|--------|----------|-------|-------|
| SKG | 21.60  | 20.10    | -1.50 | -6.94 |
| LGC | 52.70  | 49.10    | -3.60 | -6.83 |
| COM | 33.90  | 31.80    | -2.10 | -6.19 |
| DAT | 10.80  | 10.20    | -0.60 | -5.56 |
| HSL | 5.75   | 5.45     | -0.30 | -5.22 |

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-   | %     |
|-----|--------|----------|-------|-------|
| ATS | 13.50  | 12.30    | -1.20 | -8.89 |
| VC6 | 10.20  | 9.30     | -0.90 | -8.82 |
| GLT | 21.50  | 19.80    | -1.70 | -7.91 |
| BDB | 13.60  | 12.60    | -1.00 | -7.35 |
| TKU | 12.80  | 11.90    | -0.90 | -7.03 |



## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường giảm 0.01% với thanh khoản đạt 16,400.43 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng, tự doanh mua ròng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 20/07/2023, VN-Index giảm 0.17 điểm với thanh khoản ở dưới trung bình 20 phiên. Trong phiên ngày 20/07/2023, tiếp tục là áp lực bán nhanh chóng thắng thế trên thị trường khi bảng điện tử nghiêng về số mã giảm nhưng biên độ giảm của các cổ phiếu không quá lớn và chỉ về quanh ngưỡng 1170 điểm. Tâm lý giao dịch tương đối thận trọng và hôm nay là phiên đáo hạn hợp đồng tương lai phái sinh VN3F2307 cũng là lý do để nhà đầu tư cảnh giác hơn. Dù vậy, lực bán gần như không xuất hiện thêm đầu phiên chiều và có lúc chỉ sắc xanh đã xuất hiện khi các mã tăng chiếm ưu thế. Việc nhóm bluechip có thêm nhiều sắc đỏ đã khiến chỉ số kết phiên không duy trì được sắc xanh và đỏ nhẹ, giao dịch vẫn khá thận trọng khiến thanh khoản suy giảm.

VN-Index theo đồ thị ngày, thị trường ngày 20/07 xuất hiện cây nến con xoay với biên độ hẹp cho thấy thị trường đang ở trạng thái trung lập bên mua bên bán chưa bên nào nắm được quyền kiểm soát. Dòng tiền có vẻ thận trọng trong ngày đáo hạn phái sinh, chỉ số vẫn đang được hỗ trợ bởi các đường MA, RSI vào vùng quá mua nên áp lực chốt lời vẫn xuất hiện. Về xu hướng trung hạn thị trường vẫn đang diễn biến tích cực còn về ngắn hạn có thể có sự rung lắc điều chỉnh tuy nhiên khả năng không quá mạnh.

Trong giai đoạn này nhà đầu tư nên giữ trạng thái lạc quan và thận trọng và tập trung vào quản trị rủi ro, theo dõi thị trường, quan sát mã khỏe hơn trong nhịp rung lắc điều chỉnh có thể cơ cấu lại danh mục sang mã khỏe hơn, với việc mua mới trong giai đoạn này cần lựa chọn cổ phiếu có nền giá tốt và không nên tham gia mới với các cổ phiếu tăng quá mạnh trong thời gian qua.



## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Theo chúng tôi, thị trường ngày 20/07 xuất hiện cây nến con xoay với biên độ hẹp cho thấy thị trường đang ở trạng thái trung lập bên mua bên bán chưa bên nào nắm được quyền kiểm soát. Dòng tiền có vẻ thận trọng trong ngày đáo hạn phái sinh, chỉ số vẫn đang được hỗ trợ bởi các đường MA, RSI vào vùng quá mua nên áp lực chốt lời vẫn xuất hiện. Về xu hướng trung hạn thị trường vẫn đang diễn biến tích cực còn về ngắn hạn có thể có sự rung lắc điều chỉnh tuy nhiên khả năng không quá mạnh.

Trong giai đoạn này nhà đầu tư nên giữ trạng thái lạc quan và thận trọng và tập trung vào quản trị rủi ro, theo dõi thị trường, quan sát mã khỏe hơn trong nhịp rung lắc điều chỉnh có thể cơ cấu lại danh mục sang mã khỏe hơn, với việc mua mới trong giai đoạn này cần lựa chọn cổ phiếu có nền giá tốt và không nên tham gia mới với các cổ phiếu tăng quá mạnh trong thời gian qua.

Tổng quan thị trường chung

Thị trường đang ở trạng thái Uptrend



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 15 ĐẾN 31/07/2023

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|---|
| DNH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 31/07/2023     | Trả cổ tức đợt 4/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP                                  |
| THW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 8/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP                                    |
| CMM   | Thưởng cổ phiếu          | 17/07/2023 | 18/07/2023 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1  |
| EMG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP                                  |
| SMB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP                                  |
| NS2   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 124 đồng/CP                                    |
| SAS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 398 đồng/CP                                  |
| LAF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 3/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP                                  |
| SGH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/07/2023 | 18/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 400 đồng/CP                                    |
| MCH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 18/07/2023 | 19/07/2023 | 14/08/2023     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 4,500 đồng/CP                                  |
| MDC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 18/07/2023 | 19/07/2023 | 7/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP                                    |
| NTW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 18/07/2023 | 19/07/2023 | 25/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                                  |
| ACG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 18/07/2023 | 19/07/2023 |                | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11                             |
| NAW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 18/07/2023 | 19/07/2023 | 18/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 64 đồng/CP                                     |
| PIA   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 18/07/2023 | 19/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP                                  |
| NQT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 490 đồng/CP                                    |
| S4A   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 31/07/2023     | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP                                  |
| MST   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 19/07/2023 | 20/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10                               |
| C22   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 31/07/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP                                  |
| CEO   | Phát hành thêm           | 19/07/2023 | 20/07/2023 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:98, giá 10,000 đồng/CP |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 15 ĐẾN 31/07/2023

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|---|
| VRG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 28/07/2023     | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 200 đồng/CP                                  |
| KIP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 4/8/2023       | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                  |
| D2D   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 16/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP                                  |
| TNC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 28/09/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,800 đồng/CP                                  |
| HDB   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 19/07/2023 | 20/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15                               |
| VLC   | Phát hành thêm           | 19/07/2023 | 20/07/2023 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:25, giá 14,000 đồng/CP |
|       | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/07/2023 | 20/07/2023 | 20/10/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP                                    |
| ABT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 4/8/2023       | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                  |
|       | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 4/8/2023       | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP                                  |
| PGD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 28/09/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 4,500 đồng/CP                                  |
|       | Thưởng cổ phiếu          | 20/07/2023 | 21/07/2023 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1   |
| LKW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 23/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP                                  |
| BTT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 3/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP                                  |
| EIC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 30/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,600 đồng/CP                                  |
| TUG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 8/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP                                    |
| SPC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/07/2023 | 21/07/2023 | 14/08/2023     | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP                                  |
| TRS   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 20/07/2023 | 21/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20                               |
| LM8   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 21/07/2023 | 24/07/2023 | 3/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                                  |
| GEE   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 21/07/2023 | 24/07/2023 | 10/8/2023      | Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                  |
| PTX   | Phát hành thêm           | 21/07/2023 | 24/07/2023 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:1, giá 10,000 đồng/CP   |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 15 ĐẾN 31/07/2023

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết   |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|--|
| SHB   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 24/07/2023 | 25/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18                            |
| VNL   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 24/07/2023 | 25/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1                               |
| GSM   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 24/07/2023 | 25/07/2023 | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                               |
| NNC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 24/07/2023 | 25/07/2023 | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                 |
| PCT   | Phát hành thêm           | 24/07/2023 | 25/07/2023 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP |
| VCB   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 25/07/2023 | 26/07/2023 |                | Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:181                          |
| PTP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 25/07/2023 | 26/07/2023 | 10/8/2023      | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 920 đồng/CP                                 |
| POT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 26/07/2023 | 27/07/2023 | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 615 đồng/CP                                 |
| BTU   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 26/07/2023 | 27/07/2023 | 14/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                               |
| MWG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 10/8/2023      | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                 |
| MA1   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 8/8/2023       | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP                               |
| NCT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 28/08/2023     | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 5,000 đồng/CP                             |
| VNF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 18/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP                                 |
| TPH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 16/08/2023     | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 100 đồng/CP                               |
| VNS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 11/8/2023      | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 4,000 đồng/CP                             |
| DFC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 10/8/2023      | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,736 đồng/CP                               |
| HPH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/07/2023 | 28/07/2023 | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP                                 |
| VPS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 28/07/2023 | 31/07/2023 | 21/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                 |
| HND   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 28/07/2023 | 31/07/2023 | 11/8/2023      | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                               |
| BMD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 28/07/2023 | 31/07/2023 | 30/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 900 đồng/CP                                 |
| DRI   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 31/07/2023 | 1/8/2023   | 15/08/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP                                 |



## DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Ngày mở  | Mã  | Giá hiện tại | Vùng mua dự kiến | Giá mục tiêu ngắn hạn | Giá mục tiêu dài hạn | Giá cắt loss | Trạng thái |
|----------|-----|--------------|------------------|-----------------------|----------------------|--------------|------------|
| 27/06/23 | FTS | 31.40        | 29.5 - 30.2      | 35.0                  | 41.0                 | 27.6         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | VND | 18.15        | 18.5 - 19.0      | 23.0                  | 31.0                 | 17.5         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | IDC | 44.90        | 43.0 - 43.5      | 48.0                  | 62.0                 | 40.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | SZC | 36.15        | 35.5 - 36.0      | 48.0                  | 73.0                 | 33.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | PHR | 51.00        | 47.0 - 47.5      | 55.0                  | 77.0                 | 45.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | FCN | 16.85        | 15.2 - 15.5      | 19.5                  | 25.0                 | 14.5         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | HHV | 15.65        | 14.2 - 14.5      | 17.0                  | 21.0                 | 13.4         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | DGC | 72.90        | 63.2 - 63.5      | 79.0                  | 100.0                | 60.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | DPG | 39.90        | 33.4 - 33.8      | 47.0                  | 77.0                 | 31.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | HSG | 17.50        | 16.0 - 16.3      | 19.0                  | 25.0                 | 15.3         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | NKG | 19.20        | 17.2 - 17.5      | 22.0                  | 27.0                 | 16.0         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | OCB | 18.10        | 18.3 - 18.5      | 20.5                  | 25.0                 | 17.8         | Nắm giữ    |
| 27/06/23 | TCB | 31.90        | 32.5 - 32.8      | 38.0                  | 43.0                 | 31.0         | Nắm giữ    |



Tất cả những thông tin nêu trong bản tin này đều được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng (HAC) không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin đề cập trong bản tin. Mọi quan điểm, phân tích, nhận định và khuyến nghị trong bản tin này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của HAC. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo, không hàm ý khuyến NĐT nên mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu.

### **Chịu trách nhiệm nội dung**

Phòng môi giới

Chuyên viên: Phạm Phú Trường

Chuyên viên: Đoàn Thu Trang

---

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

### **Phòng môi giới – Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng**

#### **Trụ sở chính tại Hải Phòng**

Số 7, lô 28A đường Lê Hồng  
Phong, Phường Đông Khê, Quận  
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Tel: (0225) 3 842.332/3 842.335  
Fax: (0225) 3 746.266/3 746.364  
Email: [haseco@haseco.vn](mailto:haseco@haseco.vn)  
Website: [www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)

#### **Chi nhánh Hà Nội**

Số 163 Bà Triệu, Quận Hai Bà  
Trung, Thành phố Hà Nội  
Tel: (024) 3574.7020  
Fax: (024) 3574.7019

#### **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Số 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.  
Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3920.7800/01/02  
Fax: (028) 3920.7825

---